

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN CẨM LỆ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP. ĐÀ NẴNG

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-6-2025
“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Xuân H, sinh năm 1997

Địa chỉ thường trú: Thôn Huy E, xã Sơn M, huyện Sơn T, tỉnh Quảng N.
Nơi tạm trú: Số 48/2 Nhơn H 9, phường Hòa A, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1991

Địa chỉ thường trú: Thôn 1, xã Đại H, huyện Đại L, tỉnh Quảng N. Nơi tạm trú: Số 48/2 Nhơn H 9, tổ 73, phường Hòa A, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/9/2024, bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Xuân H xác định, bà và ông Vũ Đình T kết hôn với nhau vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết vợ chồng chung sống tại thành phố Đà Nẵng.

Hai vợ chồng sống với nhau được một thời gian ngắn, thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người chưa có cơ hội hiểu hết tính nết của nhau, ông T luôn lừa dối bà Hồng lấy tiền bạc chơi bời, không lo làm việc xây dựng cuộc sống vợ chồng, sự việc kéo dài và hai người không thể hàn gắn được. Hai người không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2024 đến nay và không còn liên lạc nói chuyện gì với nhau, bà Thảo đã về tỉnh Quảng Ngãi sống với cha mẹ, ông T sống ở Đà Nẵng. Nay bà Hồng xác định không còn tình cảm và không còn thương yêu ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Đình T.

Về con chung: Bà Phạm Thị Xuân H xác định, bà và ông T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Xuân H xác định, bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị Xuân H xác định, bà và ông T không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Đình T đã được Tòa án tổng đạt các thông báo, quyết định của Tòa án và triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa các bên đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên đây là phiên Tòa lần thứ hai và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên quyền lợi của đương sự đã được bảo đảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân H về việc xin ly hôn đối với ông Vũ Đình T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Xuân H được ly hôn đối với ông Vũ Đình T.

2. Về quan hệ con chung: Không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Xuân H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vụ án này trước đây bà Phạm Thị Xuân H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam thụ lý và giải quyết ly hôn với ông Vũ Đình T. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, xác định ông T cư trú hợp pháp tại quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng trước khi bà Hồng nộp đơn nên Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết. Qua xác minh tại địa phương, xác định ông T cư trú tại: Số 48/2 Nhơn Hòa 9, tổ 73, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân H và bị đơn ông Vũ Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà Hồng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân H và bị đơn ông Vũ Đình T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Xuân H xin được ly hôn với ông Vũ Đình T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà Phạm Thị Xuân H với ông Vũ Đình T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào ngày 02/5/2024 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, cuộc sống hôn nhân của bà Hồng với ông T không hạnh phúc, thể hiện hai người không sống chung với nhau, mới kết hôn ngày 02/5/2024 thì ngày 02/9/2024 bà Hồng đã làm đơn xin ly hôn và đã sống ly thân, ai về nhà cha mẹ người đó sinh sống, không liên lạc, không biết địa chỉ nơi sống của nhau. Chính quyền địa phương cũng không thấy vợ chồng bà Hồng ông T sống với nhau cùng một nhà, hai người kết hôn nhưng vẫn chưa có con chung, không phát sinh quan hệ tài sản và nợ chung. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà Hồng và ông T đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà Hồng đối với ông Vũ Đình T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Hồng xác định, bà với ông T không có con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Hồng xác định, bà với ông T không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Hồng xác định, bà với ông T không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Xuân H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân H đối với ông Vũ Đình T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Xuân H được ly hôn đối với ông Vũ Đình T.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Xuân H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) Bà Hồng đã nộp tại biên lai thu số 0016876 ngày 01/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Bà Hồng đã nộp đủ án phí.

6. Về kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Đại H, huyện Đại L, tỉnh Quảng N số 16/2024;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh